

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-ST

Ngày: 11-8-2022

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhung

2/ Bà Trần Thị Thu Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận
Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
265/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 550/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn
phiên tòa số 613/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn H, sinh năm 1962 (*có mặt*)

Địa chỉ: 224 tổ 4 khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần
Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn Tr, sinh năm 1967 (*vắng mặt lần 2 không lý do*)

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1944 (*vắng mặt lần 2 không lý do*)

Cùng địa chỉ: 233 tổ 4 khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố
Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đào Thị Bé B, sinh năm 1966

2. Chị Hà Thị D, sinh năm 1995

3. Anh Hà Phước H2, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền cho bà Bé B, chị D và anh H2: Ông Hà Văn H, sinh
năm 1962 (*có mặt*)

Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021, ngày 25/01/2022

4. Bà Huỳnh Thị H3, sinh năm 1964 (*đề nghị vắng mặt*)

5. Anh Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 07/02/2003 (*đề nghị vắng mặt*)

6. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 2001 (*đề nghị vắng mặt*)

7. Bà Huỳnh Thị Cẩm H4 (*vắng mặt lần 2 không lý do*)

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969 (*vắng mặt lần 2 không lý do*)

9. Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1954 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hà Văn H cũng là đại diện ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị Bé B, Hà Thị D và Hà Phước H2 đồng thống nhất trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 15/12/1998 ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt cấp giấy chứng nhận QSD đất tại thửa 329, tờ bản đồ số 03 ($300\text{m}^2\text{ODT} + 1857\text{m}^2\text{LNK}$), giấy chứng nhận QSD đất số 000274 cho ông đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Về nguồn gốc thửa đất 329 là của cha mẹ vợ ông Bùi Văn H5 và bà Đào Thị Th (đã chết) để lại.

Theo bản án dân sự phúc thẩm số 208/2019/DS-PT ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, tuyên xử ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng diện tích $134,4\text{m}^2$ đất tại thửa 329 tại vị trí 329B (loại CLN), tờ bản đồ số 03, khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Buộc ông Tr và bà H1 phải có trách nhiệm bồi hoàn giá trị QSD đất là 222.835.200đ cho hộ Hà Văn H. Bà H1 và ông Tr hiện nay đang sử dụng phần đất tại vị trí 329B nhưng trong quá trình sử dụng đất có hành vi lấn chiếm đất của ông cụ thể đã đặt 04 đoạn ống dẫn nước thải sinh hoạt, theo đo đạc thực tế diện tích lấn chiếm $6,3\text{m}^2$ tại thửa đất 329 (cũ) nay là thửa 1158.

Hiện nay phía bị đơn đã tháo dỡ được 02 đoạn ống dẫn nước thải, còn lại 02 đoạn ống dẫn nước (01 đoạn ống sau nhà bị đơn và 01 đoạn ống cặp đường lộ phía giáp nhà của Huỳnh Văn Đ).

Nay yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Tr, bà H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mến phải có trách nhiệm tháo dỡ các đoạn ống dẫn nước để trả lại diện tích lấn chiếm $6,3\text{m}^2$ tại thửa đất 329 (cũ), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000274 cho Hà Văn H đại diện hộ đứng tên và nay là thửa 1158, diện tích $720,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 03. Đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2021:

Hiện nay bà là người đang sử dụng diện tích đất $134,4\text{m}^2$ nhưng chưa

được cấp giấy chứng nhận, diện tích đất sử dụng là theo bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ số 208 ngày 27/11/2019 tuyên xử bà và con là Võ Văn Tr được quyền sử dụng, nhưng cho đến nay chưa liên hệ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định. Quá trình sử dụng đất có lắp đặt hai ống dẫn nước thải đi nhờ qua đất của Huỳnh Thị H3 và Huỳnh Văn Đ không có lấn qua đất của ông H. Lúc lắp đặt hai ống dẫn nước thì ông H có biết và không có ý kiến cũng như không có ngăn cản. Hai ống dẫn nước thải không nằm trong vị trí 329B.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông H bà không đồng ý, do đất này không phải là đất của ông H vì đi nhờ qua đất của Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị H3. Nếu là đất của ông H thì đề nghị được đi đường nước và sẽ trả lại giá trị đất cho ông H theo quy định.

Bị đơn ông Võ Văn Tr trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022:

Hiện nay ông đang sử dụng diện tích đất 134.4m² nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận, diện tích đất sử dụng là theo bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ số 208 ngày 27/11/2019 tuyên xử ông và mẹ là bà H1 được quyền sử dụng, nhưng cho đến nay chưa liên hệ để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định. Quá trình sử dụng có lắp đặt 04 ống dẫn nước thải đi nhờ qua đất của Huỳnh Thị H3 và Huỳnh Văn Đ không có đi qua đất của ông H. Lúc lắp đặt ống dẫn nước thì ông H có biết và không có ý kiến cũng như không có ngăn cản. Hai ống dẫn nước phía sau nhà và cặp hông nhà thì còn nằm trong vị trí đất 329B Tòa công nhận được sử dụng, còn hai ống còn lại thì 01 ống đi qua đất của Huỳnh Văn Đ, 01 ống đi qua đất của Huỳnh Thị H3 mà ông đã hỏi đi nhờ và được Đ và H3 đồng ý.

Ông thống nhất với bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT ngày 17/3/2022 có xác nhận của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ ngày 29/3/2022. Hiện nay ông đã dỡ hết 03 ống dẫn nước thải chỉ còn lại 01 ống dẫn nước. Ống dẫn nước còn lại là ống nước nằm vị trí cặp đường lộ ngay vị trí nhà của Huỳnh Văn Đ.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông H nếu đất của ông H thì sẽ tháo dỡ hết ống dẫn nước và đi đường nước ở vị trí khác mà không đề nghị trả giá trị đất để lắp đặt ống dẫn nước thải, còn nếu không phải đất của ông H thì không đồng ý tháo dỡ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2022: bà là vợ ông Tr, thống nhất với lời trình bày của ông Tr.

2. Anh Huỳnh Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2021: anh đang sử dụng đất giáp với thửa đất của bà H1, ông Tr và có cho đi nhờ

đường nước sinh hoạt. Đất mua của ông Huệ cha vợ của ông H nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, hiện vẫn còn ông H đứng tên. Qua việc tranh chấp giữa nguyên bị đơn anh không ý kiến hay yêu cầu gì thêm và đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

3. Chị Huỳnh Thị N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2022 tương đồng với lời khai của Huỳnh Văn Đ. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

4. Bà Huỳnh Thị H3 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2021: bà H1 có lắp đặt 02 ống dẫn nước thải sinh hoạt đi nhờ qua đất của bà và ông Kh (đã chết, cha Huỳnh Văn Đ). Việc đi nhờ đường nước này bà không ý kiến. Đất mua của ông H5 cha vợ của ông H đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, ông H hiện vẫn còn đứng tên. Qua việc tranh chấp giữa nguyên bị đơn bà không ý kiến hay yêu cầu gì thêm và đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

5. Ông Nguyễn Thanh D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2022: ông Dũng là chồng của bà Huỳnh Thị H3 có lời khai tương đồng với lời khai bà Hiền.

Phần trình bày của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm tháo dỡ các ống dẫn nước để trả lại diện tích lấn chiếm 6.3m² tại thửa đất 329 (cũ), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000274 cho Hà Văn H đại diện hộ đứng tên, nay là thửa 1158, diện tích 720,6m² đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 03. Đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh D: ông có cho ông Tr, bà H1 và bà Mến đi nhờ đường ống dẫn nước thải sinh hoạt qua đất của ông, do trước đây ông có mua đất của cha vợ ông H đến nay chưa tách thửa. Việc các bên tranh chấp ông không ý kiến, cũng không yêu cầu gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Tr, bà H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H. Buộc bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mến có trách nhiệm tháo dỡ ống

dẫn nước để trả lại diện tích $6.3m^2$ cho nguyên đơn tại thửa 329 cũ, nay là thửa 1158, tờ bản đồ số 03, diện tích $720,6m^2$ (CLN) do hộ Hà Văn H đứng tên giấy chứng nhận. Vì theo bản án dân sự phúc thẩm số 208 ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ nhận định việc ủy ban nhân dân huyện Thốt Nốt (cũ) cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Hà Văn H là phù hợp theo nội dung văn bản thỏa thuận và đúng nguồn gốc, đối tượng, trình tự thủ tục theo quy định. Bà H, ông Đ cho rằng có cho bị đơn đi nhờ đường ống dẫn nước do đất của ông bà đã mua lại từ cha vợ ông H. Tuy nhiên, không căn cứ chứng minh đất của mình, trong khi nguyên đơn không thừa nhận và đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích $6.3m^2$ đường ống dẫn nước không đặt trong diện tích $134.4m^2$ bị đơn được sử dụng và hiện nay bị đơn cũng đã tự nguyện tháo dỡ một phần ống dẫn nước, cho thấy bị đơn đã xác định đất tranh chấp là của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng không tiến hành hòa giải được. Do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đương sự vắng mặt nhưng có người đề nghị vắng mặt, có người vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Hà Văn H, yêu cầu bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm tháo dỡ các ống dẫn nước để trả lại đất cho nguyên đơn diện tích theo đo đạc thực tế $6.3m^2$ (CLN), tại thửa đất 329 (cũ), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000274 cấp cho ông Hà Văn H đại diện hộ đứng tên và nay là thửa 1158, diện tích $720,6m^2$ đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 03. Đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích $6.3m^2$. Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp là nằm trong thửa 329 (nay là thửa 1158) của nguyên đơn, còn bị đơn cho rằng là của Huỳnh Văn Đ và Huỳnh Thị H.

[2.1] Xét căn cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn. Về nguồn gốc thửa đất 329 và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Hà Văn H thì nội dung này đã được ghi nhận tại bản án dân sự phúc thẩm số 208/2019/DS-PT ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ: việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ Hà Văn H là phù hợp theo nội dung văn bản thỏa thuận và đúng nguồn gốc, đối tượng, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

[2.2] Tại công văn số 572/CN.VPĐKĐĐ ngày 18/5/2021 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Thốt Nốt về việc xác nhận phần diện tích còn lại của hộ Hà Văn H có nội dung: Năm 2021 hộ Hà Văn H đã lập văn bản khai nhận di sản thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất 330, 329, 1160 cho bà Đào Thị Bé B được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04016; CS04017; CS04018 cấp ngày 13/5/2021. Theo giấy chứng nhận QSD đất số 000274 cấp ngày 15/12/1998, hộ Hà Văn H còn lại thửa đất số 1158, diện tích 720.6m² đất trồng cây lâu năm. Nguyên nhân, phần thửa đất 1158 chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận. Như vậy, phần đất các đương sự đang tranh chấp thuộc thửa 329 (cũ), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000274 do Hà Văn H đại diện hộ đứng tên. Đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, nay là thửa đất số 1158, diện tích 720.6m² đất trồng cây lâu năm.

[2.3] Bị đơn thừa nhận hiện đang sử dụng diện tích 134,4m² (CLN) tại thửa 329, vị trí 329B theo bản án dân sự phúc thẩm số 208/2019/DS-PT ngày 27/11/2019. Đối chiếu với bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT ngày 17/3/2022 có xác nhận của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ ngày 29/3/2022, phần đất tranh chấp là ngoài diện tích 134.4m² mà bị đơn được sử dụng. Phía bị đơn cho rằng đường ống dẫn nước đi nhờ qua đất bà H, anh Đ và được cả hai thừa nhận. Tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh đất là của bà Hiền, anh Đ trong khi nguyên đơn không thừa nhận và nguyên đơn cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, hiện nay bị đơn đã tháo dỡ một phần ống dẫn nước, điều đó chứng tỏ bị đơn thừa nhận đất tranh chấp là của nguyên đơn.

Từ các viện dẫn trên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Thị Cẩm H4, Huỳnh Thị N, Huỳnh Thị H3 và Nguyễn Thanh D do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật, bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[4] Về chi phí thẩm định và lệ phí bản vẽ: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 4, 5, 6, 11, 14, 26, 35, 147, 227, 228, 262, 264, 266, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Điều 164, khoản 2 Điều 165, 166, 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự 2015;

Điều 95, 97, 166, 170 Luật đất đai 2013.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H.

Buộc bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ ống dẫn nước để trả lại diện tích 6.3m² (CLN), tại thửa đất 329 (cũ), tờ bản đồ số 03, giấy chứng nhận QSD đất số 000274 do ông Hà Văn H đại diện hộ đứng tên, nay là thửa 1158, diện tích 720,6m² đất trồng cây lâu năm, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại khu vực A, phường B, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. (Ghi nhận bị đơn đã tự nguyện tháo dỡ một phần) buộc ông Tr, bà H1 và bà M có trách nhiệm tháo dỡ phần còn lại.

Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tài sản, biên bản định giá tài sản ngày 25/02/2022 và bản trích đo địa chính số 53/TTKTTNMT ngày 17/3/2022 có xác nhận của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ ngày 29/3/2022 để xác định vị trí, kích thước, diện tích phần đất và tài sản tranh chấp.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị H1 được miễn nộp tiền án phí theo quy định do là người cao tuổi.

Nguyên đơn ông Hà Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/012706, ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá và lệ phí bản vẽ địa chính: Hội đồng chỉ các khoản hết 5.600.000đ (*năm triệu sáu trăm nghìn đồng*),

nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bị đơn ông Võ Văn Tr, bà Nguyễn Thị H1 phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Khúc Thị Hồng